

Số: 189 /QĐ-SYT

Hải Phòng, ngày 13 tháng 02 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu
Gói thầu Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc) thuộc
dự án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018-2019 cho các cơ
sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng**

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ HẢI PHÒNG

- Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội;
Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
Căn cứ Thông tư số 23/2015/TT-BKHĐT ngày 21/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc quy định chi tiết lập báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu;
Căn cứ Thông tư số 11/2016/TT-BYT ngày 11/5/2016 của Bộ Y tế về việc quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;
Căn cứ Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 04/9/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thành phố Hải Phòng;
Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng số 376/QĐ-UBND ngày 21/2/2017 về việc giao Trung tâm Kiểm nghiệm dược phẩm – mỹ phẩm thuộc Sở Y tế là đơn vị mua sắm tập trung theo mô hình kiểm nghiệm đối với thuốc, vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm, sinh phẩm chẩn đoán invitro của ngành Y tế; số 47/QĐ-UBND ngày 09/01/2018 về việc đổi tên Trung tâm Kiểm nghiệm dược phẩm – mỹ phẩm thành Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hải Phòng thuộc Sở Y tế Hải Phòng;
Căn cứ Quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 10/5/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt dự toán, nguồn vốn mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng;
Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố số 1124/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm



bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018-2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng; số 2465/QĐ-UBND ngày 24/9/2018 về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018-2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2366/QĐ-SYT ngày 23/10/2018 của Giám đốc Sở Y tế Hải Phòng về việc phê duyệt Hồ sơ mời thầu Gói thầu Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc) thuộc dự án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018- 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2697/QĐ-SYT ngày 29/12/2018 của Giám đốc Sở Y tế Hải Phòng về việc Phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của Gói thầu Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc) thuộc dự án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 55/QĐ-SYT ngày 14/01/2019 của Sở Y tế Hải Phòng về việc phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu Gói thầu Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc) thuộc dự án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

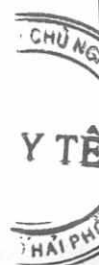
Xét đề nghị của Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hải Phòng tại Tờ trình số 23T/TTr-TTKN ngày 22/01/2019 về việc đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc) thuộc dự án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định lựa chọn nhà thầu cung ứng thuốc của các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng tại Báo cáo thẩm định số 01/BC-TĐKQLCNTTGEBS2018-2019 ngày 29/01/2019 về việc thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc) thuộc dự án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc) thuộc dự án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng, cụ thể:

STT	Mã nhà thầu	Nhà thầu trúng thầu	Giá trúng thầu (VNĐ)	Danh mục thuốc chi tiết
1.	GB02	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar)	11.094.359.390,00	Phụ lục đính kèm
2.	GB04	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	1.367.685.900,00	Phụ lục đính kèm
3.	GB05	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	2.545.347.600,00	Phụ lục đính kèm
4.	GB06	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Linh	663.799.500,00	Phụ lục đính kèm
5.	GB07	Công ty Cổ phần dược phẩm Hải Phòng	50.762.116.288,00	Phụ lục đính kèm
6.	GB08	Công ty Cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	553.641.624,00	Phụ lục đính kèm
7.	GB09	Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà	29.140.000,00	Phụ lục đính kèm
8.	GB11	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	8.672.257.000,00	Phụ lục đính kèm
9.	GB12	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	15.609.855.000,00	Phụ lục đính kèm
10.	GB13	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	23.473.216.491,00	Phụ lục đính kèm
11.	GB14	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha	18.900.000,00	Phụ lục đính kèm
12.	GB15	Công ty Cổ phần Dược phẩm Văn Lam	7.608.025.600,00	Phụ lục đính kèm
13.	GB16	Công ty Cổ phần Dược phẩm VCP	813.489.750,00	Phụ lục đính kèm
14.	GB19	Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Đông Đô	2.673.879.000,00	Phụ lục đính kèm



15.	GB20	Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương	6.446.828.500,00	Phụ lục đính kèm
16.	GB21	Công ty Cổ phần Kinh doanh Thương mại Tân Trường Sinh	2.672.800.000,00	Phụ lục đính kèm
17.	GB22	Công ty Cổ phần Pymepharco	3.078.767.000,00	Phụ lục đính kèm
18.	GB23	Công ty Cổ phần Thương mại dược phẩm Sao Mai	14.297.235.000,00	Phụ lục đính kèm
19.	GB25	Công ty Cổ phần Thương mại và Dược phẩm Ngọc Thiện	16.883.750.000,00	Phụ lục đính kèm
20.	GB26	Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu APEC	1.575.000.000,00	Phụ lục đính kèm
21.	GB27	Công ty Cổ phần TMDV Thăng Long	318.750.000,00	Phụ lục đính kèm
22.	GB30	Công ty Cổ phần Y tế Sigma Việt Nam	225.940.000,00	Phụ lục đính kèm
23.	GB31	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Benepar	2.991.355.000,00	Phụ lục đính kèm
24.	GB33	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dược phẩm EOC Việt Nam	3.329.280.000,00	Phụ lục đính kèm
25.	GB34	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dược phẩm Gia Minh	6.560.000.000,00	Phụ lục đính kèm
26.	GB35	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dược phẩm Hà Đông	1.964.800.000,00	Phụ lục đính kèm
27.	GB36	Công ty Trách nhiệm hữu hạn dược phẩm Hiếu Anh	2.704.041.520,00	Phụ lục đính kèm
28.	GB38	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dược phẩm Shinpoong Daewoo	141.460.000,00	Phụ lục đính kèm
29.	GB39	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dược phẩm Tân An	300.854.400,00	Phụ lục đính kèm

30.	GB40	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dược phẩm U.N.I Việt Nam	412.640.000,00	Phụ lục đính kèm
31.	GB41	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dược phẩm và Trang thiết bị Y tế Hoàng Đức	13.575.000,00	Phụ lục đính kèm
32.	GB42	Công ty trách nhiệm hữu hạn dược phẩm Việt Pháp	149.900.000,00	Phụ lục đính kèm
33.	GB43	Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên 120 Armepharco	581.621.940,00	Phụ lục đính kèm
34.	GB44	Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Dược Liệu TW2	13.290.312.660,00	Phụ lục đính kèm
35.	GB45	Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Dược Pha Nam Hà Nội	2.712.576.000,00	Phụ lục đính kèm
36.	GB46	Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Dược Sài Gòn	20.583.965.800,00	Phụ lục đính kèm
37.	GB47	Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vimedimex Bình Dương	12.550.410.500,00	Phụ lục đính kèm
38.	GB48	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dược mỹ phẩm Nam Phương	97.080.000,00	Phụ lục đính kèm
39.	GB51	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dược phẩm Phương Linh	33.036.514.000,00	Phụ lục đính kèm
40.	GB52	Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Nam Đồng	6.532.895.000,00	Phụ lục đính kèm
41.	GB53	Liên danh thầu Công ty Cổ phần Thương mại Minh Dân - Công ty Cổ phần Dược phẩm Minh Dân	745.678.150,00	Phụ lục đính kèm

- Hình thức Hợp đồng: Theo đơn giá cố định (do cơ sở y tế ký kết với Nhà thầu).

Hợp đồng ký kết giữa cơ sở y tế với nhà thầu được lựa chọn cung cấp thuốc theo tên Generic theo số lượng của từng mặt hàng phân bổ cho các cơ sở y tế, lập tối đa không quá 12 tháng, tổng thời gian thực hiện của các hợp đồng không quá ngày 31/12/2019.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu đến hết ngày 31/12/2019.

Điều 2. Giá trúng thầu đã nêu tại Điều 1 là giá đã bao gồm tất cả các chi phí liên quan để thực hiện gói thầu như chi phí vận chuyển, bảo quản, bảo hành thuốc và các loại thuế phí theo quy định nhà nước hiện hành.

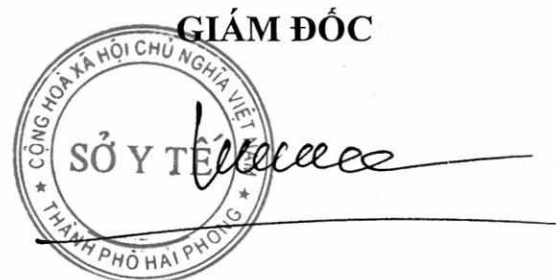
Điều 3. Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hải Phòng có trách nhiệm ký kết và quản lý Thỏa thuận khung với các nhà thầu trúng thầu nêu tại Điều 1 theo đúng các văn bản quy định pháp luật hiện hành.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 5. Các ông (bà) Trưởng các phòng ban, Văn phòng Sở Y tế, Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hải Phòng, Thủ trưởng các đơn vị y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng, các đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành./. *sk*

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- Các nhà thầu (đề t/h)
- Các CSYT (đề t/h)
- Cục QLD-BYT;
- Website Sở Y tế HP;
- BHXH Hải Phòng;
- Kho bạc NN Hải Phòng;
- Lưu: VT, NVD, TTKN.



Phạm Thu Xanh



DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM TRÚNG THẦU

Gói thầu: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc)

Đur an: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Nhà thầu: Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) (GB02)

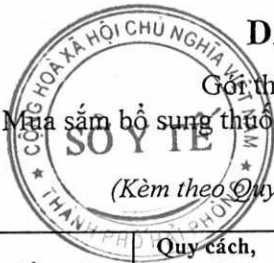
Kèm theo Quyết định số 189/QĐ-SYT ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tháng)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Phân nhóm	Điểm kỹ thuật	Điểm giá	Điểm TH	Xếp hạng	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã NT
1	G0117	Biragan 300	Paracetamol (acetaminophen)	300mg	Hộp 2 vỉ x 5 viên thuốc đạn, đặt hậu môn	36 tháng	VD-23136-15	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar) - Việt Nam	Viên	13.500	3	89	100	96,70	1	1.680,00	22.680.000,00	GB02
2	G0118	Biragan 300	Paracetamol (acetaminophen)	300mg	Hộp 2 vỉ x 5 viên thuốc đạn, đặt hậu môn	36 tháng	VD-23136-15	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar) - Việt Nam	Viên	2.000	5	89	100	96,70	1	1.680,00	3.360.000,00	GB02
3	G0150	Biragan Kids 325	Paracetamol (acetaminophen)	325mg	Hộp 12 gói x 3g thuốc bột sủi bột, uống	36 tháng	VD-24935-16	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar) - Việt Nam	Gói	136.000	3	89	100	96,70	1	1.890,00	257.040.000,00	GB02
4	G0604	Tazopelin 4,5g	Piperacilin + tazobactam*	4g + 0,5g	Hộp 1 lọ thuốc tiêm bột, tiêm	24 tháng	VD-20673-14	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar) - Việt Nam	Lọ	73.500	3	90	100	97,00	1	72.996,00	5.365.206.000,00	GB02
5	G0633	Tobidex	Tobramycin + dexamethason (natri) (phosphat)	0,3% + 0,1% - 5ml	Hộp 1 lọ 5ml thuốc nhỏ mắt	36 tháng	VD-28242-17	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar) - Việt Nam	Lọ	5.000	5	89	100	96,70	1	6.699,00	33.495.000,00	GB02
6	G0737	Bifucil	Levofloxacin	500 mg	Hộp 1 vỉ x 10 viên nén bao phim, uống	36 tháng	VD-25349-16	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar) - Việt Nam	Viên	100	5	89	100	96,70	1	756,00	75.600,00	GB02

7	G0862	Calcilinat F100	Calci folinat	Acid folinic 100mg	Hộp 1 lọ thuốc tiêm bột đông khô + 1 ống dung môi nước cất pha tiêm 10ml, tiêm	36 tháng	VD-21824- 14	Công ty cổ phần Dược - Trang Thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar) - Việt Nam	Lọ	5.600	3	89	100	96,70	1	62.496,00	349.977.600,00	GB02
8	G0867	Calcilinat F50	Calci folinat	Acid folinic 50mg	Hộp 1 lọ thuốc tiêm bột đông khô + 1 ống nước cất pha tiêm 5ml, tiêm	36 tháng	VD-21242- 14	Công ty cổ phần Dược - Trang Thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar) - Việt Nam	Lọ	7.650	3	89	100	96,70	1	38.997,00	298.327.050,00	GB02
9	G0872	Bocartin 150	Carboplatin	10mg/1ml - 15ml	Hộp 1 lọ thuốc 15ml dung dịch tiêm, tiêm	18 tháng	VD-21239- 14	Công ty cổ phần Dược - Trang Thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar) - Việt Nam	Lọ	6.000	3	87	100	96,10	1	234.990,00	1.409.940.000,00	GB02
10	G0885	Bestdocel 20	Docetaxel	20mg/0,5ml - 0,5ml	Hộp 1 lọ 0,5ml dung dịch tiêm + 1 lọ dung môi 2ml, tiêm	24 tháng	VD-27255- 17	Công ty cổ phần Dược - Trang Thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar) - Việt Nam	Lọ	3.000	3	90	100	97,00	1	344.988,00	1.034.964.000,00	GB02
11	G0898	Etoposid Bidiphar	Etoposid	20mg/1ml - 5ml	Hộp 1 lọ 5ml dung dịch đậm đặc để pha truyền tĩnh mạch	36 tháng	VD-29306- 18	Công ty cổ phần Dược - Trang Thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar) - Việt Nam	Lọ	1.000	3	89	100	96,70	1	88.998,00	88.998.000,00	GB02
12	G0906	Biluracil 500	Fluorouracil (5-FU)	50mg/1ml - 10ml	Hộp 1 lọ 10ml dung dịch tiêm, tiêm	24 tháng	VD-28230- 17	Công ty cổ phần Dược - Trang Thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar) - Việt Nam	Lọ	2.000	5	88	100	96,40	1	25.788,00	51.576.000,00	GB02
13	G0928	Lyoxatin 50	Oxaliplatin	2mg/1ml - 25ml	Hộp 1 lọ x 25ml dung dịch tiêm pha truyền tĩnh mạch	24 tháng	VD-23142- 15	Công ty cổ phần Dược - Trang Thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar) - Việt Nam	Lọ	6.000	3	88	100	96,40	1	217.980,00	1.307.880.000,00	GB02

14	G0935	Canpaxel 300	Paclitaxel	6mg/1ml - 50ml	Hộp 1 lọ 50ml dung dịch tiêm	24 tháng	QLĐB-583-16	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar) - Việt Nam	Lọ	100	3	90	100	97,00	1	1.260.000,00	126.000.000,00	GB02
15	G1662	LACBIOSYN®	Lactobacillus acidophilus	10 ⁸ CFU (75mg)	Hộp 100 gói thuốc bột, uống	36 tháng	QLSP-851-15	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar) - Việt Nam	gói	694.172	3	89	100	96,70	1	745,00	517.158.140,00	GB02
16	G1801	BDFGlamic	Glibenclamid	5mg	Hộp 5 vi x 20 viên nén, uống	36 tháng	VD-18704-13	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar) - Việt Nam	Viên	302.000	3	89	100	96,70	1	273,00	82.446.000,00	GB02
17	G2220	Bonevit	Calci (Calci lactatgluconat) + calci (calci carbonat)	380mg + 120mg	Hộp 1 tuýp x 20 viên nén sủi bọt, uống	36 tháng	VD-16853-12	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar) - Việt Nam	Viên	52.000	3	89	100	96,70	1	2.793,00	145.236.000,00	GB02
Tổng																	11.094.359.390,00	
<i>Tổng tiền bằng chữ: Mười một tỷ không trăm chín mươi tư triệu ba trăm năm mươi chín nghìn ba trăm chín mươi đồng</i>																		





DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM TRÚNG THẦU

Gói thầu: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc)
 Dự án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hà Nội
 Nhà thầu: Công ty Cổ phần Dược Medipharco (GB04)
 (Kèm theo Quyết định số 189/QĐ-SYT ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Sở Y tế Hà Nội)

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tháng)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Phân nhóm	Điểm kỹ thuật	Điểm giá	Điểm TH	Xếp hạng	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã NT
1	G1435	Cafunten	Clotrimazol	1%-10g	Hộp 01 tub 10g, dùng ngoài, kem	48	VD-23196-15	Cty CP LD DP Medipharco Tenamyd BR s.r.l- Việt Nam	Tuýp	12.843	3	88	100	96,40	1	6.300,00	80.910.900,00	GB04
2	G1436	Neutasol	Clobetasol Propionat	0.05%; 30g	Hộp 01 tub 30g, dùng ngoài, kem	60	VD-23820-15	Cty CP LD DP Medipharco Tenamyd BR s.r.l- Việt Nam	Tuýp	35.650	3	88	100	96,40	1	31.500,00	1.122.975.000,00	GB04
3	G1441	Panthenol	Dexpanthenol(Panthenol, vitamin B5)	5%-20g	Hộp 01 tub 20g, dùng ngoài, kem	36	VD-26394-17	Cty CP LD DP Medipharco Tenamyd BR s.r.l- Việt Nam	Tuýp	3.100	3	88	100	96,40	1	18.000,00	55.800.000,00	GB04
4	G1454	Betasalic	Salicylic acid + Betamethason dipropionat	(3%+0,064%) /10g	Hộp 01 tub 10g, dùng ngoài, mỡ	36	VD-30028-18	Cty CP LD DP Medipharco Tenamyd BR s.r.l- Việt Nam	Tuýp	9.000	5	88	100	96,40	1	12.000,00	108.000.000,00	GB04
Tổng																	1.367.685.900,00	
<i>Tổng tiền bằng chữ: Một tỷ ba trăm sáu mươi bảy triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn chín trăm đồng</i>																		



DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM TRÚNG THẦU

Gói thầu: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc)
 Dự án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng
 Nhà thầu: Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội (GB05)
 (Kèm theo Quyết định số 189/QĐ-SYT ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tháng)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Phân nhóm	Điểm kỹ thuật	Điểm giá	Điểm TH	Xếp hạng	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã NT
1	G0099	Meloxicam-BFS	Meloxicam	10mg/ml - 1,5ml	Hộp 20 lọ x 1,5ml, Dung dịch, tiêm	24	VD-29709-18	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Lọ	2.500	5	87	100	96,10	1	3.780,00	9.450.000,00	GB05
2	G0306	BFS-Noradrenaline 4mg	Nor adrenalin	1mg/ml - 4ml	Hộp 10 lọ x 4ml, Dung dịch, tiêm	24	VD-27818-17	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Lọ	33.000	3	87	100	96,10	1	52.500,00	1.732.500.000,00	GB05
3	G0745	Moxieye	Moxifloxacin	0,5% - 3ml	Hộp 1 lọ x 3ml, dung dịch, nhỏ mắt	24	VD-22001-14	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Lọ	37.286	3	87	100	96,10	1	18.900,00	704.705.400,00	GB05
4	G2085	Arimenus	Terbutalin sulfat	1mg/1ml	Hộp 10 lọ x 1ml; Dung dịch, tiêm	36	VD-26002-16	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Lọ	4.000	3	88	100	96,40	1	19.950,00	79.800.000,00	GB05
5	G2187	Magnesi-BFS 15%	Magnesi sulfat heptahydrat	0,15g/ml - 5ml	Hộp 50 ống x 5ml, Dung dịch, tiêm	36	VD-22694-15	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Ống	5.106	3	88	100	96,40	1	3.700,00	18.892.200,00	GB05
Tổng																2.545.347.600,00		
Tổng tiền bằng chữ: Hai tỷ năm trăm bốn mươi lăm triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn sáu trăm đồng																		



DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM TRÚNG THẦU

Gói thầu: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc)
 Dự án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng
Nhà thầu: Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Linh (GB06)
(Kèm theo Quyết định số 189/QĐ-SYT ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tháng)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Phân nhóm	Điểm kỹ thuật	Điểm giá	Điểm TH	Xếp hạng	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã NT
1	G0281	Lorastad Sp.	Loratadin	1mg/1ml - 60ml	Hộp 1 chai 60ml siro thuốc, uống	36 tháng	VD-23972-15	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam	Chai	1.500	3	86	100	95,80	1	12.000,00	18.000.000,00	GB06
2	G0670	Azicine 250mg	Azithromycin	250mg	Hộp 6 gói x 1,5g, thuốc bột uống	24 tháng	VD-19693-13	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam	Gói	35.000	3	85	100	95,50	1	3.499,00	122.465.000,00	GB06
3	G0848	Terbinafin Stada Cream 1%	Terbinafin hydroclorid	100mg/ 10g	Hộp 1 tube 10g, bôi da	24 tháng	VD-23365-15	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam	Tuýp	1.250	3	85	100	95,50	1	11.000,00	13.750.000,00	GB06
4	G1992	Misoprostol Stada 200mcg	Misoprostol	200mcg	Hộp 3 vỉ x 10 viên nén, uống	36 tháng	VD-13626-10; có CV duy trì hiệu lực SDK đến 06/08/2019	Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam	Viên	113.241	3	86	100	95,80	1	4.500,00	509.584.500,00	GB06
Tổng																	663.799.500,00	
<i>Tổng tiền bằng chữ: Sáu trăm sáu mươi ba triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn năm trăm đồng</i>																		

DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM TRÚNG THẦU

Gói thầu: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc)

Dự án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Nhà thầu: Công ty Cổ phần dược phẩm Hải Phòng (GB07)

(Kèm theo Quyết định số 189/QĐ-SYT ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tháng)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Phân nhóm	Điểm kỹ thuật	Điểm giá	Điểm TH	Xếp hạng	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã NT
1	G0030	Lidonalin	Lidocain HCl + Adrenalin	36mg + 18mcg/ 1,8ml	Hộp 2 vi x 5 ống dd tiêm	36 tháng	VD-21404-14	Vinphaco-Việt Nam	Ống	138.212	5	86	100	95,80	1	4.410,00	609.514.920,00	GB07
2	G0113	Colocol Suppo 150	Paracetamol	150mg	Hộp 2 vi x 5 viên đạn đặt trực tràng	36 tháng	VD-16584-12	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim	Viên	95.700	3	86	100	95,80	1	1.500,00	143.550.000,00	GB07
3	G0114	Colocol Suppo 150	Paracetamol	150mg	Hộp 2 vi x 5 viên đạn đặt trực tràng	36 tháng	VD-16584-12	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Kim	Viên	3.000	5	86	100	95,80	1	1.500,00	4.500.000,00	GB07
4	G0125	Paracetamol Kabi 1000	Paracetamol (acetaminophen)	10mg/ml - 100ml	Hộp 48 chai, dung dịch tiêm truyền	36 tháng	VD-19568-13	Fresenius Kabi Việt Nam	Chai	12.500	2	90	100	97,00	1	18.900,00	236.250.000,00	GB07
5	G0183	Fenidel	Piroxicam	40mg/ 2ml	Hộp 5 vi x 10 ống; Hộp 1 vi x 10 ống x 2ml dung dịch tiêm	36 tháng	VD-28699-18	Vinphaco-Việt Nam	Ống	76.900	5	86	100	95,80	1	10.500,00	807.450.000,00	GB07
6	G0266	Inflex-180	Fexofenadin HCL	180mg	Hộp 3 vi x 10 viên, viên nén bao phim, uống	36 tháng	VN-17462-13	Ind-Swift Ltd., India	Viên	30.500	2	86	100	95,80	1	2.024,00	61.732.000,00	GB07
7	G0317	Carbatol-200	Carbamazepin	200mg	Hộp 10 vi x 10 viên, viên nén, uống	48 tháng	VN-16077-12	Torrent Pharmaceuticals Ltd - India	Viên	50.000	4	88	100	96,40	1	780,00	39.000.000,00	GB07
8	G0603	Piperacillin/Tazobactam Kabi 4g/0,5g	Piperacilin + tazobactam*	4g + 0,5g	Hộp 10 lọ bột đông khô pha tiêm hoặc tiêm truyền	36 tháng	VN-13544-11	Labesfal-Laboratorios Almiro,S.A	Lọ	33.000	1	90	100	97,00	1	74.550,00	2.460.150.000,00	GB07
9	G0614	Gentamicin Kabi 40mg/ml	Gentamicin	40mg/1ml	Hộp 10 ống tiêm 1ml; dung dịch tiêm	36 tháng	VD-22590-15	Fresenius Kabi Việt Nam	Ống	405.272	3	90	100	97,00	1	1.029,00	417.024.888,00	GB07
10	G0658	Clindacine 300	Clindamycin	300mg/ 2ml	Hộp 5 ống x 2ml dung dịch tiêm	36 tháng	VD-18003-12	Vinphaco-Việt Nam	Ống	2.000	3	86	100	95,80	1	16.388,00	32.776.000,00	GB07
11	G0865	Calci Folinat 10ml	Calci folinat	Acid folinic 10mg/1ml - 10ml	Hộp 10 vi x 5 ống x 10ml dung dịch tiêm	24 tháng	VD-29224-18	Vinphaco-Việt Nam	Ống	150	3	85	100	95,50	1	58.800,00	8.820.000,00	GB07

12	G0866	Calci Folinat 5ml	Calci folinat	Acid folinic 10mg/1ml - 5ml	Hộp 10 vi x 5 ống x 5ml dung dịch tiêm	24 tháng	VD-29225-18	Vinphaco-Việt Nam	Ống	50	3	85	100	95,50	1	33.390,00	1.669.500,00	GB07
13	G0900	Fyloris	Exemestan	25mg	Hộp 3 vi x 10 viên, viên nén bao phim, uống	36 tháng	QLĐB-498-15	Công ty cổ phần SPM - Việt Nam	viên	3.500	3	86	100	95,80	1	63.500,00	222.250.000,00	GB07
14	G1001	I-Sucr-in	Sắt sucrose (hay dextran)	Sắt 20mg/1ml - 5ml	Hộp 5 ống x 5ml, dung dịch tiêm	24 tháng	VN-16316-13	M/S Samrudh Pharmaceuticals Pvt., Ltd, India	Ống	7.500	5	84	100	95,20	1	39.500,00	296.250.000,00	GB07
15	G1112	Dipsope-10	Amlodipin	10mg	Hộp 10 vi x 10 viên, viên nén, uống	36 tháng	VN-10543-10	RPG Life Sciences Ltd., Ấn Độ	Viên	6.000	2	86	100	95,80	1	895,00	5.370.000,00	GB07
16	G1243	Ringer lactate	Ringer lactat	500ml	Hộp 20 chai, dung dịch tiêm truyền	36 tháng	VD-22591-15	Fresenius Kabi Việt Nam	Chai	775.798	2	88	100	96,40	1	10.500,00	8.145.879.000,00	GB07
17	G1347	Gliatilin	Choline alfoscerat*	250mg/1ml - 4ml	Hộp 5 ống x 4ml- Tiêm/ truyền, Dung dịch tiêm, truyền	60 tháng	VN-13244-11	Italfarmaco S.P.A - Italy	Ống	138.400	1	90	100	97,00	1	69.300,00	9.591.120.000,00	GB07
18	G1348	Gliatilin	Choline alfoscerat*	250mg/1ml - 4ml	Hộp 5 ống x 4ml - Tiêm/ truyền, Dung dịch tiêm, truyền	60 tháng	VN-13244-11	Italfarmaco S.P.A - Italy	Ống	60.000	2	90	100	97,00	1	69.300,00	4.158.000.000,00	GB07
19	G1447	PESANCORT	Acid Fusidic, Betamethason valerat	(2% + 0,1%) - 5g	Hộp 1 tuýp 5 gam, Dùng ngoài, Kem bôi da	36 tháng	VD-24421-16	Công ty cổ phần LD dược phẩm Medipharco-Tenamyd BR s.r.l- Việt nam	Tuýp	286	3	86	100	95,80	1	21.600,00	6.177.600,00	GB07
20	G1734	Newgenasada cream	Betamethason dipropionat + clotrimazol +gentamicin	(6,4mg + 100mg + 10mg)/10g	Hộp 1 tuýp 10g, kem, dùng ngoài	36 tháng	VN-19571-16	Korea Arlico Pharm.Co., Ltd.- Korea	Tuýp	100	2	86	100	95,80	1	15.700,00	1.570.000,00	GB07
21	G1788	Progentin 200	Progesterone	200mg	Hộp 3 vi x 10 viên; Viên nang mềm; Đặt âm đạo hoặc Uống	36 tháng	VD-19613-13	Công ty Cổ phần SPM - Việt Nam	Viên	51.000	3	86	100	95,80	1	6.500,00	331.500.000,00	GB07
22	G1984	Vingomin	Methylergometrin maleat	0,2mg/1ml	Hộp 5 vi x 10 ống x 1ml dung dịch tiêm	24 tháng	VD-24908-16	Vinphaco-Việt Nam	Ống	24.100	3	85	100	95,50	1	11.900,00	286.790.000,00	GB07
23	G1985	Vingomin	Methylergometrin maleat	0,2mg/1ml	Hộp 5 vi x 10 ống x 1ml dung dịch tiêm	24 tháng	VD-24908-16	Vinphaco-Việt Nam	Ống	39.950	5	85	100	95,50	1	11.900,00	475.405.000,00	GB07

24	G1990	Vinphatoxin	Oxytocin	5IU/ 1ml	Hộp 1 vi x 10 ống x 1ml dung dịch tiêm	36 tháng	VD-28703-18	Vinphaco-Việt Nam	Óng	221.363	3	86	100	95,80	1	2.310,00	511.348.530,00	GB07
25	G2128	Broncho Vaxom Adults	Bacterial lysates of Haemophilus influenzae + Diplococcus pneumoniae + Klebsiella pneumoniae and ozaenae + Staphylococcus aureus + Streptococcus pyogenes and viridans + Neisseria catarrhalis	7mg	Hộp 1 vi x 10 viên nang, viên nang, uống	60 tháng	VN-15432-12	OM Pharma - Thụy sĩ	Viên	12.000	1	90	100	97,00	1	15.920,00	191.040.000,00	GB07
26	G2177	Glucose 5%	Glucose	5% - 500ml	Hộp 20 chai, dung dịch tiêm truyền	36 tháng	VD-28252-17	Fresenius Kabi Việt Nam	Chai	223.210	2	88	100	96,40	1	9.450,00	2.109.334.500,00	GB07
27	G2180	Ringer lactate	Ringer lactat	500ml	Hộp 20 chai, dung dịch tiêm truyền	36 tháng	VD-22591-15	Fresenius Kabi Việt Nam	Chai	3.600	2	88	100	96,40	1	10.500,00	37.800.000,00	GB07
28	G2190	Mannitol	Manitol	200mg/1ml - 250ml	Hộp 30 chai, dung dịch tiêm truyền	36 tháng	VD-23168-15	Fresenius Kabi Việt Nam	Chai	30.982	3	88	100	96,40	1	18.900,00	585.559.800,00	GB07
29	G2193	Natri clorid 0,9%	Natri clorid	0,9% - 500ml	Hộp 20 chai, dung dịch tiêm truyền	36 tháng	VD-21954-14	Fresenius Kabi Việt Nam	Chai	2.008.919	2	88	100	96,40	1	9.450,00	18.984.284.550,00	GB07
Tổng																	50.762.116.288,00	
Tổng tiền bằng chữ: Năm mươi tỷ bảy trăm sáu mươi hai triệu một trăm mười sáu nghìn hai trăm tám mươi tám đồng																		

DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM TRÚNG THẦU

Gói thầu: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc)
 Dự án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng
 Nhà thầu: Công ty Cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa (GB08)
 (Kèm theo Quyết định số 189/QĐ-SYT ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tháng)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Phân nhóm	Điểm kỹ thuật	Điểm giá	Điểm TH	Xếp hạng	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã NT
1	G0045	Aceclofenac	Aceclofenac	100mg	Hộp 10 vi x 10 viên nén bao phim, uống	36 tháng	VD-27911-17	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa - Việt Nam	viên	25.000	3	88	100	96,40	1	193,00	4.825.000,00	GB08
2	G0074	Etoricoxib 60	Etoricoxib	60mg	Hộp 10 vi x 10 viên nén bao phim, uống	36 tháng	VD-27915-17	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa - Việt Nam	viên	50.000	3	88	100	96,40	1	830,00	41.500.000,00	GB08
3	G0253	Clorpheniramin	Chlorpheniramin maleat	4mg	Chai 1000 viên nén, uống	36 tháng	VD-17176-12	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa - Việt Nam	viên	3.640.058	3	88	100	96,40	1	28,00	101.921.624,00	GB08
4	G0264	Fefasdin 120	Fexofenadin HCl	120mg	Hộp 10 vi x 10 viên nén bao phim, uống	36 tháng	VD-22476-15	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa - Việt Nam	viên	778.000	3	88	100	96,40	1	515,00	400.670.000,00	GB08
5	G1577	Dimenhydrinat	Dimenhydrinat	50mg	Chai 200 viên nén, uống	36 tháng	VD-28971-18	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa - Việt Nam	viên	15.000	3	88	100	96,40	1	315,00	4.725.000,00	GB08
Tổng																553.641.624,00		
<i>Tổng tiền bằng chữ: Năm trăm năm mươi ba triệu sáu trăm bốn mươi một nghìn sáu trăm hai mươi tư đồng</i>																		



DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM TRÚNG THẦU

Gọi thầu: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc)
Dự án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Nhà thầu: Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà (GB09)

(Kèm theo Quyết định số 189/QĐ-SYT ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tháng)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Phân nhóm	Điểm kỹ thuật	Điểm giá	Điểm TH	Xếp hạng	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã NT
1	G1891	Rieserstat	Propylthiouracil (PTU)	50mg	Hộp 1 lọ 100 viên nén, uống	60 tháng	VN-14969-12 (có gia hạn)	Lomapharm Rudolf Lohmann GmbH KG - Đức	Viên	23.500	1	93	100	97,90	1	1.240,00	29.140.000,00	GB09
Tổng																	29.140.000,00	
<i>Tổng tiền bằng chữ: Hai mươi chín triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng</i>																		



DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM TRÚNG THẦU

Gói thầu: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc)
 Dự án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng
Nhà thầu: Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội (GB11)
(Kèm theo Quyết định số 189 /QĐ-SYT ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tháng)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Phân nhóm	Điểm kỹ thuật	Điểm giá	Điểm TH	Xếp hạng	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã NT
1	G0523	Orelox 100mg	Cefpodoxime (dưới dạng Cefpodoxime proxetil)	100mg	Hộp 1 vỉ x 10 viên-viên nén bao phim-Uống	36	VN-19454-15	Sanofi Winthrop Industrie - Pháp	Viên	30.000	1	91	100	97,30	1	13.600,00	408.000.000,00	GB11
2	G0975	SYNDOPA 275	Levodopa + Carbidopa anhydrous	250mg +25mg	Hộp 5 vỉ x 10 viên-Viên nén-Uống	48	VN-13392-11 kèm công văn số 20774/QLĐ-ĐK ngày 31/10/2018 V/v duy trì hiệu lực số đăng ký thuốc	Sun Pharmaceutical Industries Ltd-India	Viên	309.100	5	88	100	96,40	1	3.270,00	1.010.757.000,00	GB11
3	G1843	Lantus Solostar	Insulin glargine	300UI/3ml	Hộp 5 bút tiêm x 3ml dung dịch tiêm-Dung dịch tiêm trong bút tiêm nạp sẵn-Tiêm dưới da	36	QLSP-857-15	Sanofi-Aventis Deutschland GmbH - Đức	Bút tiêm	25.500	5	86	100	95,80	1	277.000,00	7.063.500.000,00	GB11
4	G2011	SUNSIZOPIN 100	Clozapine	100mg	Hộp 5 vỉ x 10 viên-Viên nén-Uống	48	VN-18771-15	Sun Pharmaceutical Industries Ltd-India	Viên	40.000	2	88	100	96,40	1	4.750,00	190.000.000,00	GB11
Tổng																	8.672.257.000,00	
<i>Tổng tiền bằng chữ: Tám tỷ sáu trăm bảy mươi hai triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn đồng</i>																		



DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM TRÚNG THẦU

Gói thầu: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc)
 Dự án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Nhà thầu: Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha (GB12)

(Kèm theo Quyết định số 189/QĐ-SYT ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tháng)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Phân nhóm	Điểm kỹ thuật	Điểm giá	Điểm TH	Xếp hạng	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã NT
1	G0073	SaVi Etoricoxib 30	Etoricoxib	30mg	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Viên nén bao phim, uống	36 tháng	VD-25268-16	Savipharm - Việt Nam	Viên	128.000	2	87	100	96,10	1	4.000,00	512.000.000,00	GB12
2	G0342	Demencur 75	Pregabalin	75mg	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Viên nén bao phim, uống	36 tháng	VD-27035-17	Savipharm - Việt Nam	Viên	69.000	2	87	100	96,10	1	7.800,00	538.200.000,00	GB12
3	G0498	Medocef 1g	Cefoperazone natri	1g	Hộp 50 lọ, Bột pha tiêm, Tiêm	24 tháng	VN-15539-12	Medochemie Ltd-Factory C-Cyprus	Lọ	98.000	1	89	100	96,70	1	54.000,00	5.292.000.000,00	GB12
4	G0720	Levofloxacin/cooper solution for infusion 500mg/100ml	Levofloxacin	5mg/1ml-100ml	Hộp 1 Chai 100 ml, Dung dịch tiêm, Tiêm truyền	36 tháng	VN-21230-18	Cooper S.A. Pharmaceuticals - Hy Lạp	Chai	53.700	1	91	100	97,30	1	78.850,00	4.234.245.000,00	GB12
5	G2093	Ambixol 15mg/5ml syrup	Ambroxol hydroclorid	3mg/1ml - 100ml	Hộp 1 chai 100 ml Uống, hỗn dịch	24 Tháng	VN-20667-17	Sopharma AD - Bulgaria	Lọ	25.000	1	92	100	97,60	1	79.000,00	1.975.000.000,00	GB12
6	G2322	Olesom S	Ambroxol. HCl + Salbutamol	15mg + 1mg/5ml, lọ 100ml	Hộp 1 lọ 100ml. Dung dịch uống	36 tháng	VN-14058-11 (CV gia hạn SĐK số 17/QLD-ĐK ngày 03/01/2018)	Gracure - Ấn độ (EU-GMP Giấy CN OGYEI/18271-6/2017 Đợt 52 số TT 19 cấp 27/07/2017 đến 02/06/2020)	Lọ	63.060	2	86	100	95,80	1	48.500,00	3.058.410.000,00	GB12
Tổng																15.609.855.000,00		
<i>Tổng tiền bằng chữ: Mười lăm tỷ sáu trăm linh chín triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn đồng</i>																		



DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM TRÚNG THẦU

Gói thầu: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc)

Địa án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Nhà thầu: Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 (GB13)

(Kèm theo Quyết định số 189/QĐ-SYT ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tháng)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Phân nhóm	Điểm kỹ thuật	Điểm giá	Điểm TH	Xếp hạng	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã NT
1	G0328	Danotan Inj	Phenobarbital	100mg/ml	Hộp 5 vi x 10 ống, dung dịch tiêm, tiêm	36	14/2017-P ngày 28/4/2017 (Thẻ kho+TKHQ)	Daihan - Hàn Quốc	Ống	580	2	86	100	95,80	1	11.500,00	6.670.000,00	GB13
2	G0329	Danotan Inj	Phenobarbital	100mg/ml	Hộp 5 vi x 10 ống, dung dịch tiêm, tiêm	36	14/2017-P ngày 28/4/2017 (Thẻ kho+TKHQ)	Daihan - Hàn Quốc	Ống	14.749	5	86	100	95,80	1	11.500,00	169.613.500,00	GB13
3	G0775	Colistin TZF	Colistimethate natri	1.000.000 IU	Hộp 20 lọ thuốc bột pha tiêm, truyền, hít qua miếng	36	VN-19363-15	Tarchomin Pharmaceutical Works "Polfa" S.A - Ba Lan	Lọ	33.800	2	89	100	96,70	1	377.000,00	12.742.600.000,00	GB13
4	G1050	Octanate 50 IU/ml	Yếu tố VIII	250IU/lọ	Hộp 1 lọ 5ml bột pha dung dịch tiêm truyền (kèm 1 lọ 5ml dung môi nước cất pha tiêm, 1 xylanh, 1 kim hai đầu, 1 kim lọc, 1 bộ kim truyền, 2 miếng bông tăm cotton)	36	569/QLD-KD ngày 15/1/2018	Nhà sản xuất chia liều: Octapharma Pharmazeutika Produktionsges. m.b.H - Áo Nhà đóng gói: Octapharma Dessau GmbH - Đức	Lọ	1.000	1	90	100	97,00	1	1.638.000,00	1.638.000.000,00	GB13
5	G1277	Dopamine Hydrochloride USP 40mg/ml	Dopamin (hydroclorid)	40mg/1ml - 5ml	Hộp 10 vi x 10 ống, dung dịch pha loãng để truyền tĩnh mạch	48	VN-15124-12 (Thẻ kho+TKHQ)	Rotex - Đức	Ống	9.735	1	90	100	97,00	1	19.950,00	194.213.250,00	GB13

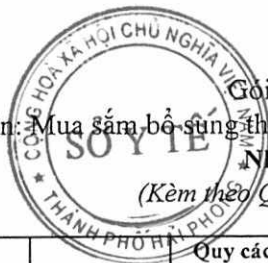
6	G1278	Dopamine Hydrochloride USP 40mg/ml	Dopamin (hydroclorid)	40mg/1ml-5ml	Hộp 10 vi x 10 ống, dung dịch pha loãng để truyền tĩnh mạch	48	VN-15124-12 (Thẻ kho+TKHQ)	Rotex - Đức	Ống	200	2	90	100	97,00	1	19.950,00	3.990.000,00	GB13
7	G1466	Xenetix 350	Iobitridol	76,78g/100ml	Hộp 10 lọ 100ml, dung dịch tiêm, tiêm	36	VN-16789-13 Gia hạn SDK số 12151/QLD-ĐK ngày 29/06/2018	Guerbet - Pháp	Lọ	11.000	1	90	100	97,00	1	635.000,00	6.985.000.000,00	GB13
8	G1982	Methylergometrine Maleate injection 0.2mg	Methyl ergometrin (maleat)	0,2mg/1ml	Hộp 1 vi x 10 ống, dung dịch tiêm, tiêm	48	145/QLD-KD ngày 10/1/2017 (Thẻ kho+TKHQ)	Rotex - Đức	Ống	21.973	1	90	100	97,00	1	14.417,00	316.784.741,00	GB13
9	G2161	Nutriflex Peri	Acid amin +glucose+điệngiải (*)	1000ml	Hộp 5 túi, dung dịch truyền tĩnh mạch	24	VN-18157-14	B.Braun Medical AG - Thụy Sĩ	Túi/ bình/ chai/lọ	3.500	1	88	100	96,40	1	404.670,00	1.416.345.000,00	GB13

Tổng

23.473.216.491,00

Tổng tiền bằng chữ: Hai mươi ba tỷ bốn trăm bảy mươi ba triệu hai trăm mười sáu nghìn bốn trăm chín mươi một đồng

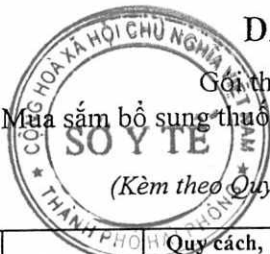




DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM TRÚNG THẦU

Gọi thầu: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc)
Dự án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng
Nhà thầu: Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha (GB14)
(Kèm theo Quyết định số 129/QĐ-SYT ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tháng)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Phân nhóm	Điểm kỹ thuật	Điểm giá	Điểm TH	Xếp hạng	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã NT
1	G0245	Thémastene	Alimemazin tartrat 5mg	5mg	Hộp 10 vỉ x 25 viên nén bao phim. Viên uống	36	VD-24317-16	Vidipha, Việt Nam	Viên	150.000	3	88	100	96,40	1	126,00	18.900.000,00	GB14
Tổng																	18.900.000,00	
<i>Tổng tiền bằng chữ: Mười tám triệu chín trăm nghìn đồng</i>																		



DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM TRÚNG THẦU

Gợi thầu: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc)

Dự án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Nhà thầu: Công ty Cổ phần Dược phẩm Văn Lam (GB15)

(Kèm theo Quyết định số 189/QĐ-SYT ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tháng)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Phân nhóm	Điểm kỹ thuật	Điểm giá	Điểm TH	Xếp hạng	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã NT
1	G0368	Moxilen 500mg	Amoxicilin	500mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên, viên nang cứng, uống	24 tháng	VN-17099-13 (CV gia hạn số 20060/QLD-ĐK ngày 22/10/2018)	Medochemie Ltd - Factory B - Cyprus	Viên	3.313.600	1	89	100	96,70	1	2.296,00	7.608.025.600,00	GB15
Tổng																		
7.608.025.600,00																		
<i>Tổng tiền bằng chữ: Bảy tỷ sáu trăm linh tám triệu không trăm hai mươi lăm nghìn sáu trăm đồng</i>																		



DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM TRÚNG THẦU

Gọi thầu: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc)
Dự án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng
Nhà thầu: Công ty Cổ phần Dược phẩm VCP (GB16)
(Kèm theo Quyết định số 189/QĐ-SYT ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tháng)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Phân nhóm	Điểm kỹ thuật	Điểm giá	Điểm TH	Xếp hạng	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã NT
1	G0532	Cefradin VCP	Cefradin	1g	Hộp 10 lọ, thuốc bột pha tiêm, IM/IV	36 tháng	VD-25321-16	VCP - Việt Nam	Lọ	104.817	3	88	100	96,40	1	6.750,00	707.514.750,00	GB16
2	G0533	Cefradin VCP	Cefradin	1g	Hộp 10 lọ, thuốc bột pha tiêm, IM/IV	36 tháng	VD-25321-16	VCP - Việt Nam	Lọ	15.700	5	88	100	96,40	1	6.750,00	105.975.000,00	GB16
Tổng																	813.489.750,00	
<i>Tổng tiền bằng chữ: Tám trăm mười ba triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi đồng</i>																		



DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM TRÚNG THẦU

Gói thầu: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc)

Đối tượng: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Nhà thầu: Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Đông Đô (GB19)

(Kèm theo Quyết định số 189/QĐ-SYT ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tháng)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Phân nhóm	Điểm kỹ thuật	Điểm giá	Điểm TH	Xếp hạng	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã NT
1	G0210	Join-Flex	Glucosamin sulfat (2KCL)	500mg	Hộp 5 vỉ x 12 viên, Uống, Viên nang	36 tháng	VN-15791-12	Probiotec Pharma Pty.,Ltd Australia	Viên	905.000	1	92	100	97,60	1	2.620,00	2.371.100.000,00	GB19
2	G1481	Povidone	Povidon iodin	10% 1100ml	Chai 1100ml, Dùng ngoài, dung dịch	24 tháng	VD-17882-12	Agimexpharm Việt Nam	Chai	2.000	3	85	100	95,50	1	140.000,00	280.000.000,00	GB19
3	G1482	Povidone	Povidon iodin	10% - 35ml	Chai 35ml, Dùng ngoài, dung dịch	24 tháng	VD-17882-12	Agimexpharm Việt Nam	Chai	2.531	3	85	100	95,50	1	9.000,00	22.779.000,00	GB19
Tổng																	2.673.879.000,00	
<i>Tổng tiền bằng chữ: Hai tỷ sáu trăm bảy mươi ba triệu tám trăm bảy mươi chín nghìn đồng</i>																		



DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM TRÚNG THẦU

Gói thầu: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc)

Dự án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Nhà thầu: Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương (GB20)

(Kèm theo Quyết định số 189/QĐ-SYT ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tháng)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Phân nhóm	Điểm kỹ thuật	Điểm giá	Điểm TH	Xếp hạng	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã NT
1	G0331	Phenytoin 100mg	Phenytoin	100mg	Hộp 1 lọ x 100 viên. Viên nén. Uống	36	VD-23443-15	Công ty Cổ phần Dược Danapha - Việt Nam	Viên	1.427.500	3	85	100	95,50	1	294,00	419.685.000,00	GB20
2	G0443	Firstlexin 1000 DT	Cephalexin	1g	Hộp 3 vi x 10 viên, Viên nén phân tán, Uống	24	VD-27078-17	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco - Việt Nam	Viên	300.000	3	84	100	95,20	1	3.926,00	1.177.800.000,00	GB20
3	G0991	Amkuk	Sắt Hydroxide polymaltose complex 178,5mg tương đương Fe(III) 50mg/5ml	Sắt Hydroxide polymaltose complex 178,5mg tương đương Sắt(III) 50mg/5ml	Hộp 1 chai 100ml, Dung dịch uống, Uống	24	VD-23998-15	Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế - Việt Nam	Chai	17.000	3	84	100	95,20	1	131.000,00	2.227.000.000,00	GB20
4	G1645	Baci-subti	Bacillus subtilis	≥ 10 mũ 8 CFU	Vi 10 viên, Hộp 6 vi, Viên nang cứng, Uống	24	QLSP-840-15	Công ty TNHH MTV Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang - Việt Nam	Viên	888.930	3	84	100	95,20	1	2.950,00	2.622.343.500,00	GB20
Tổng																	6.446.828.500,00	

Tổng tiền bằng chữ: Sáu tỷ bốn trăm bốn mươi sáu triệu tám trăm hai mươi tám nghìn năm trăm đồng



DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM TRÚNG THẦU

Gói thầu: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc)

Dự án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Nhà thầu: Công ty Cổ phần Kinh doanh Thương mại Tân Trường Sinh (GB21)

(Kèm theo Quyết định số 189/QĐ-SYT ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng.	Hạn dùng (Tháng)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Phân nhóm	Điểm kỹ thuật	Điểm giá	Điểm TH	Xếp hạng	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã NT
1	G2351	Troysar AM	Amlodipin (besilate)+ Losartan kali	5mg + 50mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên, Viên nén bao phim, Uống	24 tháng	VN-11838-11	Troikaa Pharmaceuticals Ltd. - Ấn Độ	Viên	514.000	5	84	100	95,20	1	5.200,00	2.672.800.000,00	GB21
Tổng																	2.672.800.000,00	
<i>Tổng tiền bằng chữ: Hai tỷ sáu trăm bảy mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng</i>																		



DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM TRÚNG THẦU

Gói thầu: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc)

Dự án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Nhà thầu: Công ty Cổ phần Pymepharco (GB22)

(Kèm theo Quyết định số 189/QĐ-SYT ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tháng)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Phân nhóm	Điểm kỹ thuật	Điểm giá	Điểm TH	Xếp hạng	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã NT
1	G0552	Ceftriaxon EG 1g/10ml (CSNQ: EG LABO- Laboratoires EuroGenerics, địa chỉ: "Le Quintet" Bat A, 12 rue Danjou 92517 Boulogne Billancourt cedex France)	Ceftriaxon*	1g	Hộp 1 lọ bột pha tiêm+ 1 ống dung môi 10 ml	36	VD-26402-17	CTCP Pymepharco - Việt Nam	Lọ	124.650	1	92	100	97,60	1	17.780,00	2.216.277.000,00	GB22
2	G0660	Pyclin 600	Clindamycin	600mg/4ml	Hộp 1 ống x 4ml dd tiêm - Tiêm	36	VD-21964-14	CTCP Pymepharco - Việt Nam	Ống	2.100	3	89	100	96,70	1	21.000,00	44.100.000,00	GB22
3	G0835	Trifungi	Itraconazol	100mg	Hộp 1 vỉ x 4 viên nang cứng - Uống	36	VD-24453-16	CTCP Pymepharco - Việt Nam	Viên	31.000	3	89	100	96,70	1	7.130,00	221.030.000,00	GB22
4	G1854	Pymetphage 1000	Metformin hydrochlorid	1000 mg	Hộp 2 vỉ x 15 viên nén bao phim - Uống	36	VD-23851-15	CTCP Pymepharco - Việt Nam	Viên	786.000	4	91	100	97,30	1	760,00	597.360.000,00	GB22

Tổng

3.078.767.000,00

Tổng tiền bằng chữ: Ba tỷ không trăm bảy mươi tám triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn đồng



DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM TRÚNG THẦU

Gói thầu: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc)

Dự án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Nhà thầu: Công ty Cổ phần Thương mại dược phẩm Sao Mai (GB23)

(Kèm theo Quyết định số 189/QĐ-SYT ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tháng)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Phân nhóm	Điểm kỹ thuật	Điểm giá	Điểm TH	Xếp hạng	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã NT
1	G0598	Piperacillin/ Tazobactam Kabi 2g/0.25g	Piperacilin + tazobactam*	2g + 0,25g	Hộp 1 lọ, hộp 10 lọ, Bột pha dung dịch tiêm hoặc tiêm truyền, Tiêm truyền	36 tháng	VN-12927-11 (Công văn gia hạn SĐK số: 22849/QLD-ĐK)	Labesfal-Laboratorios Almiro, SA - Portugal	Lọ	106.000	1	90	100	97,00	1	96.900,00	10.271.400.000,00	GB23
2	G0662	Azitromicina Farnoz	Azithromycin	500mg	Hộp 1 lọ, Bột đông khô pha tiêm, Tiêm	24 tháng	VN-11797-11 (kèm theo thẻ kho)	Reig Jofre S.A - Spain	Lọ	11.500	1	89	100	96,70	1	266.850,00	3.068.775.000,00	GB23
3	G1585	Granisetron Kabi 1mg/1ml	Granisetron	1mg/1ml	Hộp 5 ống 1ml, Dung dịch đậm đặc pha tiêm/ tiêm truyền, Tiêm truyền	36 tháng	VN-14047-11 (Công văn gia hạn SĐK số: 22849/QLD-ĐK)	Labesfal-Laboratorios Almiro, SA - Portugal	Ống	20.000	2	90	100	97,00	1	45.900,00	918.000.000,00	GB23
4	G2282	Vitamin B1-B6-B12	Vitamin B1 + B6 + B12	115mg + 115mg + 50mcg	Hộp 10 vỉ x 10 viên nén bao phim, uống	24	VD-19370-13 (kèm thẻ kho)	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây- Việt Nam	Viên	63.000	3	85	100	95,50	1	620,00	39.060.000,00	GB23

Tổng

14.297.235.000,00

Tổng tiền bằng chữ: Mười bốn tỷ hai trăm chín mươi bảy triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn đồng



DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM TRÚNG THẦU

Gói thầu: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc)

Dự án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Nhà thầu: Công ty Cổ phần Thương mại và Dược phẩm Ngọc Thiện (GB25)

(Kèm theo Quyết định số 189/QĐ-SYT ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tháng)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Phân nhóm	Điểm kỹ thuật	Điểm giá	Điểm TH	Xếp hạng	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã NT
1	G1235	Ramipril GP	Ramipril	2,5mg	Hộp 8 vi x 7 viên, Viên nang cứng, Uống	36	VN-20201-16	Farmalabor-Produtos Farmacêuticos, S.A - Portugal	Viên	1.176.000	Nhóm 1	90	100	97,00	1	4.000,00	4.704.000.000,00	GB25
2	G1237	Ramipril GP	Ramipril	5mg	Hộp 8 vi x 7 viên, Viên nang cứng, Uống	36	VN-20202-16	Farmalabor-Produtos Farmacêuticos, S.A - Portugal	Viên	2.214.500	Nhóm 1	90	100	97,00	1	5.500,00	12.179.750.000,00	GB25
Tổng																16.883.750.000,00		
<i>Tổng tiền bằng chữ: Mười sáu tỷ tám trăm tám mươi ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng</i>																		



DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM TRÚNG THẦU

Gói thầu: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc)

Dự án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Nhà thầu: Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu APEC (GB26)

(Kèm theo Quyết định số 189/QĐ-SYT ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tháng)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Phân nhóm	Điểm kỹ thuật	Điểm giá	Điểm TH	Xếp hạng	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã NT
1	G0462	Cefamandol 2G	Cefamandol nafat	2g	Hộp 1 lọ, bột pha tiêm, tiêm	36 tháng	VD-25796-16	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương I - Pharbaco - Việt Nam	Lọ	21.000	Nhóm 3	85	100	95,50	1	75.000,00	1.575.000.000,00	GB26
Tổng																	1.575.000.000,00	
<i>Tổng tiền bằng chữ: Một tỷ năm trăm bảy mươi lăm triệu đồng</i>																		



DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM TRÚNG THẦU

Gói thầu: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc)
Dự án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Nhà thầu: Công ty Cổ phần TMDV Thăng Long (GB27)

(Kèm theo Quyết định số 189/QĐ-SYT ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tháng)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Phân nhóm	Điểm kỹ thuật	Điểm giá	Điểm TH	Xếp hạng	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã NT
1	G0259	Atipolar	Dexchlorpheni ramin maleat	2mg/ 5ml-5ml	Hộp 30 ống x 5ml dung dịch uống; Uống	24 tháng	VD-24738- 16	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên Việt Nam	Ống	85.000	Nhóm 3	85	100	95,50	1	3.750,00	318.750.000,00	GB27
Tổng																	318.750.000,00	
<i>Tổng tiền bằng chữ: Ba trăm mười tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng</i>																		



DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM TRÚNG THẦU

Gọi thầu: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc)
Dự án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Nhà thầu: Công ty Cổ phần Y tế Sigma Việt Nam (GB30)

(Kèm theo Quyết định số 119/QĐ-SYT ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tháng)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Phân nhóm	Điểm kỹ thuật	Điểm giá	Điểm TH	Xếp hạng	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã NT
1	G0078	Sotstop	Ibuprofen	20mg/1ml-100ml	Hộp 1 chai (lọ) 100ml. Hỗn dịch uống. Uống	36 tháng	VN-15888-12. CV gia hạn số 537/QLD-ĐK ngày 12/1/2018	Daewoong Pharmaceuticals Co., LTD - Hàn Quốc	Lọ	3.950	2	88	100	96,40	1	57.200,00	225.940.000,00	GB30
Tổng																	225.940.000,00	
<i>Tổng tiền bằng chữ: Hai trăm hai mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng</i>																		



DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM TRÚNG THẦU

Gợi thầu: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc)
Dự án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Nhà thầu: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Benephar (GB31)

(Kèm theo Quyết định số 189/QĐ-SYT ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tháng)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Phân nhóm	Điểm kỹ thuật	Điểm giá	Điểm TH	Xếp hạng	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã NT
1	G0307	Mifros	Penicilamin	300mg	Hộp 3 vi x 10 viên nén bao phim, Uống	36	VD-21060-14	Công ty cổ phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú, Việt Nam	Viên	31.000	3	86	100	95,80	1	12.500,00	387.500.000,00	GB31
2	G0553	Celetran	Ceftriaxon*	1g	Hộp 1 lọ + 1 ống nước cất pha tiêm 10ml, Bột pha tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch, Tiêm	24	VN-18621-15	Nectar Lifescience Limited (Unit-VI), India	Lọ	30.000	2	85	100	95,50	1	10.500,00	315.000.000,00	GB31
3	G0994	Pokemine	Sắt (III) hydroxyd polymaltose)	50mg/10ml	Hộp 20 ống 10ml, Dung dịch uống, Uống	24	VD-31131-18	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun, Việt Nam	Ống	171.000	3	85	100	95,50	1	7.390,00	1.263.690.000,00	GB31
4	G1230	Rofba	Perindopril (tert butylamine) + Indapamid	4mg +1,25mg	Hộp 3 vi x 10 viên nén bao phim, Uống	36	VD-14038-11 (Gia hạn số 21127/QLD-ĐK đến ngày 14/12/2018)	Công ty cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú, Việt Nam	Viên	255.500	3	86	100	95,80	1	720,00	183.960.000,00	GB31
5	G1231	Rofba	Perindopril (tert butylamine) + Indapamid	4mg +1,25mg	Hộp 3 vi x 10 viên nén bao phim, Uống	36	VD-14038-11 (Gia hạn số 21127/QLD-ĐK đến ngày 14/12/2018)	Công ty cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú, Việt Nam	Viên	100.000	5	86	100	95,80	1	720,00	72.000.000,00	GB31
6	G1432	Trozimed	Calcipotriol	1,5mg - 30g	Hộp 1 tuýp 30g, Kem bôi ngoài da	36	VD-28486-17	Công ty cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú, Việt Nam	Tuýp	200	3	86	100	95,80	1	130.000,00	26.000.000,00	GB31
7	G1729	Urxyl	Ursodeoxycholic acid	300mg	Hộp 6 vi x 10 viên nén bao phim, Uống	36	VD-29726-18	Công ty cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú, Việt Nam	Viên	25.000	3	86	100	95,80	1	4.230,00	105.750.000,00	GB31

8	G2009	Gayax	Amisulprid	200mg	Hộp 4 vi x 7 viên nén, Uống	36	VD-26497-17	Công ty cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú, Việt Nam	Viên	300	3	86	100	95,80	1	7.350,00	2.205.000,00	GB31
9	G2234	Clipoxid-300	Calci lactat(pentahydrate)	300mg	Hộp 6 vi x 10 viên nén, Uống	36	VD-19652-13 (Gia hạn số 12709/QLD-ĐK đến ngày 04/07/2019)	Công ty cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú, Việt Nam	Viên	385.000	3	86	100	95,80	1	1.650,00	635.250.000,00	GB31
Tổng																	2.991.355.000,00	
Tổng tiền bằng chữ: Hai tỷ chín trăm chín mươi một triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn đồng																		

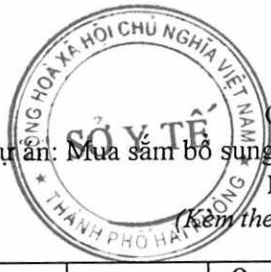




DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM TRÚNG THẦU

Gói thầu: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc)
Dự án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng
Nhà thầu: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dược phẩm EOC Việt Nam (GB33)
(Kèm theo Quyết định số 189/QĐ-SYT ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tháng)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Phân nhóm	Điểm kỹ thuật	Điểm giá	Điểm TH	Xếp hạng	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã NT
1	G2100	A.T Ambroxol	Ambroxol	6mg/1ml - 5ml	Hộp 30 ống x 5ml dung dịch uống	24	VD-24125-16	Cty CP DP An Thiên-Việt Nam	Óng	24.000	3	85	100	95,50	1	5.720,00	137.280.000,00	GB33
2	G2103	A.T Ambroxol	Ambroxol	6mg/1ml - 100ml	Hộp 1 chai 100ml dung dịch uống	24	VD-24125-16	Cty CP DP An Thiên-Việt Nam	Chai	76.000	3	85	100	95,50	1	42.000,00	3.192.000.000,00	GB33
Tổng																	3.329.280.000,00	
<i>Tổng tiền bằng chữ: Ba tỷ ba trăm hai mươi chín triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng</i>																		



DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM TRÚNG THẦU

Gói thầu: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc)
Dự án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng
Nhà thầu: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dược phẩm Gia Minh (GB34)
(Kèm theo Quyết định số 189/QĐ-SYT ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tháng)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Phân nhóm	Điểm kỹ thuật	Điểm giá	Điểm TH	Xếp hạng	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã NT
1	G1228	Belperi	Perindopril (tert butylamine) + Indapamid	4mg + 1,25mg	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Viên nén, Uống	24	VN-19057-15	Atlantic Pharma - Producoes Farmaceuticas S.A. - Portugal	Viên	1.312.000	1	89	100	96,70	1	5.000,00	6.560.000.000,00	GB34
Tổng																	6.560.000.000,00	
<i>Tổng tiền bằng chữ: Sáu tỷ năm trăm sáu mươi triệu đồng</i>																		



DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM TRÚNG THẦU

Gói thầu: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc)

Dự án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Nhà thầu: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dược phẩm Hà Đông (GB35)

(Kèm theo Quyết định số 189/QĐ-SYT ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tháng)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Phân nhóm	Điểm kỹ thuật	Điểm giá	Điểm TH	Xếp hạng	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã NT
1	G0965	Thalidomid 100	Thalidomid	100mg	Hộp 3 vi x 10 viên, viên nang cứng, uống	36 tháng	VD-27097-17	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2, Việt Nam	Viên	12.000	3	86	100	95,80	1	94.400,00	1.132.800.000,00	GB35
2	G0967	Thalidomid 50	Thalidomid	50mg	Hộp 6 vi x 10 viên, viên nang cứng, uống	36 tháng	QLĐB-535-16	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2, Việt Nam	Viên	16.000	3	86	100	95,80	1	52.000,00	832.000.000,00	GB35
Tổng																	1.964.800.000,00	
<i>Tổng tiền bằng chữ: Một tỷ chín trăm sáu mươi tư triệu tám trăm nghìn đồng</i>																		



DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM TRÚNG THẦU

Gói thầu: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc)

Dự án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Nhà thầu: Công ty Trách nhiệm hữu hạn dược phẩm Hiếu Anh (GB36)

(Kèm theo Quyết định số 189/QĐ-SYT ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tháng)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Phân nhóm	Điểm kỹ thuật	Điểm giá	Điểm TH	Xếp hạng	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã NT
1	G0256	Tadaritin	Desloratadine	5mg	Hộp 3 vi x 10 viên; Viên nén bao phim; Uống	24 tháng	VN-16644-13, Gia hạn SDK số: 14273/QLD-ĐK ngày 25/07/2018	Laboratorios Lesvi, S.L - Tây Ban Nha	Viên	265.520	1	89	100	96,70	1	6.301,00	1.673.041.520,00	GB36
2	G1356	PT-Colin	Citicolin natri	100mg	Hộp 3 vi x 10 viên; Viên nang cứng; Uống	36 tháng	VD- 19996-13	Công ty cổ phần Dược TW Mediplantex - Việt Nam	Viên	58.000	3	85	100	95,50	1	9.500,00	551.000.000,00	GB36
3	G1727	Ursobil	Acid Ursodeoxycholic	300mg	Hộp 2,3 vi x 10 viên; Viên nén; Uống	36 tháng	VN-20260-17	ABC Farmaceutici S.P.A - Italy	Viên	30.000	1	90	100	97,00	1	16.000,00	480.000.000,00	GB36
Tổng																	2.704.041.520,00	
Tổng tiền bằng chữ: Hai tỷ bảy trăm linh tư triệu không trăm bốn mươi một nghìn năm trăm hai mươi đồng																		



DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM TRÚNG THẦU

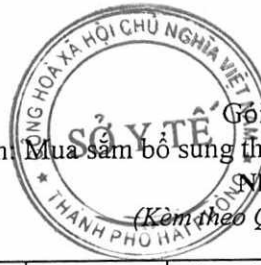
Gói thầu: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc)

Địa điểm: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Nhà thầu: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dược phẩm Shinpoong Daewoo (GB38)

(Kèm theo Quyết định số 189/QĐ-SYT ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tháng)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Phân nhóm	Điểm kỹ thuật	Điểm giá	Điểm TH	Xếp hạng	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã NT
1	G0361	Distocide	Praziquantel	600mg	Hộp 1 vỉ x 4 viên Viên nén bao phim Uống	60	VD-23933-15	Công ty TNHH DP Shinpoong Daewoo - Việt Nam	Viên	9.400	3	88	100	96,40	1	8.400,00	78.960.000,00	GB38
2	G1011	SPLostal	Cilostazol	100mg	Hộp 3 vỉ x 10 viên Viên nén Uống	36	VD-20367-13	Công ty TNHH DP Shinpoong Daewoo - Việt Nam	Viên	12.500	5	88	100	96,40	1	5.000,00	62.500.000,00	GB38
Tổng																141.460.000,00		
<i>Tổng tiền bằng chữ: Một trăm bốn mươi một triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng</i>																		



DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM TRÚNG THẦU

Gọi thầu: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc)
Dự án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng
Nhà thầu: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dược phẩm Tân An (GB39)
(Kèm theo Quyết định số 189/QĐ-SYT ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tháng)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Phân nhóm	Điểm kỹ thuật	Điểm giá	Điểm TH	Xếp hạng	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã NT
1	G0095	Mezafen	Loxoprofen	60mg	Hộp 3 vỉ x 10 viên nén, Uống	24	VD-19878-13	Cty CPDP Hà Tây/Việt Nam	Viên	386.400	5	85	100	95,50	1	756,00	292.118.400,00	GB39
2	G1886	Disthyrox	Levothyroxin (muối natri)	100mcg	Hộp 5 vỉ x 20 viên nén, uống	24	VD-21846-14	Cty CPDP Hà Tây/Việt Nam	Viên	32.000	5	85	100	95,50	1	273,00	8.736.000,00	GB39
Tổng																300.854.400,00		
Tổng tiền bằng chữ: Ba trăm triệu tám trăm năm mươi tư nghìn bốn trăm đồng																		



DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM TRÚNG THẦU

Gói thầu: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc)

Dự án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Nhà thầu: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dược phẩm U.N.I Việt Nam (GB40)

(Kèm theo Quyết định số 189/QĐ-SYT ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tháng)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Phân nhóm	Điểm kỹ thuật	Điểm giá	Điểm TH	Xếp hạng	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã NT
1	G0426	Medoclor® 125mg/5ml	Cefaclor (dưới dạng Cefaclor monohydrate)	125mg/5ml x chai 60ml	Chai 60ml; Cốm pha hỗn dịch uống; Uống	24	VN-13781-11 (Gia hạn đến 18/12/2018)	Medochemie LTD. (Factory C) - Cyprus	Chai	2.900	1	89	100	96,70	1	92.000,00	266.800.000,00	GB40
2	G2096	Halixol	Ambroxol hydrochloride	30mg	Hộp 02 vi x 10 viên; Viên nén; Uống	60	VN-16748-13 (Gia hạn đến 05/7/2019)	Egis - Hungary	Viên	182.300	1	90	100	97,00	1	800,00	145.840.000,00	GB40
Tổng																	412.640.000,00	
Tổng tiền bằng chữ: Bốn trăm mười hai triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng																		



DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM TRÚNG THẦU

Gói thầu: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc)

Dự án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Nhà thầu: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dược phẩm và Trang thiết bị Y tế Hoàng Đức (GB41)

Kèm theo Quyết định số 189/QĐ-SYT ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tháng)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Phân nhóm	Điểm kỹ thuật	Điểm giá	Điểm TH	Xếp hạng	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã NT
1	G0056	Doresyl 400mg	Celecoxib	400mg	Hộp 6 vi x 10 viên, Viên nang cứng, uống	36 tháng	VD-23255-15	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco-Việt Nam	Viên	1.000	3	85	100	95,50	1	2.600,00	2.600.000,00	GB41
2	G1941	Lotemax	Loteprednol etabonat	0.5% -5ml	Hộp 1 lọ 5ml, Hỗn dịch nhỏ mắt, Nhỏ mắt	24 tháng	VN-18326-14	Bausch & Lomb Inc-Mỹ	Lọ	50	1	91	100	97,30	1	219.500,00	10.975.000,00	GB41
Tổng																	13.575.000,00	
<i>Tổng tiền bằng chữ: Mười ba triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng</i>																		



DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM TRÚNG THẦU

Gói thầu: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc)

Đơn án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Nhà thầu: Công ty trách nhiệm hữu hạn dược phẩm Việt Pháp (GB42)

(Kèm theo Quyết định số 189/QĐ-SYT ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tháng)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Phân nhóm	Điểm kỹ thuật	Điểm giá	Điểm TH	Xếp hạng	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã NT
1	G0930	Oxaliplatin Medac	Oxaliplatin	150mg	Hộp 1 lọ, Bột đông khô pha dịch truyền tĩnh mạch, Truyền tĩnh mạch	48 tháng	VN-20695-17	Oncotec Pharma Produktion GmbH- Đức, Cơ sở đóng gói thứ cấp: Medac Gesellschaft für Klinische Spezialpräparate mbH - Đức	Lọ	50	1	90	100	97,00	1	2.998.000,00	149.900.000,00	GB42
Tổng																	149.900.000,00	
<i>Tổng tiền bằng chữ: Một trăm bốn mươi chín triệu chín trăm nghìn đồng</i>																		

DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM TRÚNG THẦU

Gói thầu: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc)

Dự án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Nhà thầu: Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên 120 Armephaco (GB43)
(Kèm theo Quyết định số 189/QĐ-SYT ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)



STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tháng)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Phân nhóm	Điểm kỹ thuật	Điểm giá	Điểm TH	Xếp hạng	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã NT
1	G0062	Osapain	Diclofenac natri	10mg/1g	Hộp 1 tuýp 20g - Thuốc mỡ bôi da	24 tháng	VD-23378-15	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco - Việt Nam	Tube	67.950	3	87	100	96,10	1	7.000,00	475.650.000,00	GB43
2	G1186	Loperamid hydroclorid 2mg	Loperamid HCl	2mg	Hộp 10 vi x 10 viên Viên nang cứng Ống	36 tháng	VD-24586-16	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco - Việt Nam	Viên	4.500	3	88	100	96,40	1	125,00	562.500,00	GB43
3	G2111	Terpin-Codein	Terpin hydrat + Codein phosphat	100mg + 10mg	Hộp 10 vi x 10 viên Viên nén Ống	36 tháng	VD-30126-18	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco - Việt Nam	Viên	292.804	3	88	100	96,40	1	360,00	105.409.440,00	GB43
Tổng																	581.621.940,00	
<i>Tổng tiền bằng chữ: Năm trăm tám mươi một triệu sáu trăm hai mươi một nghìn chín trăm bốn mươi đồng</i>																		

DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM TRÚNG THẦU

Gói thầu: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc)

Dự án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Nhà thầu: Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Dược Liệu TW2 (GB44)

(Kèm theo Quyết định số 189/QĐ-SYT ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tháng)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Phân nhóm	Điểm kỹ thuật	Điểm giá	Điểm TH	Xếp hạng	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã NT
1	G0012	Etomidate-Lipuro	Etomidate	Etomidate, 20mg/ 10ml	10 ống/ hộp, Nhũ dịch tiêm truyền, Tiêm truyền	24 tháng	VN-10697-10	B.Braun Melsungen AG - Đức	Ống	100	2	88	100	96,40	1	120.000,00	12.000.000,00	GB44
2	G0354	Zentel 200mg	Albendazole	200mg	Hộp 1 vỉ x 02 viên, Viên nén bao phim, Uống	36 tháng	GC-0182-12	Công ty cổ phần Dược phẩm OPV - Việt Nam	Viên	1.000	3	85	100	95,50	1	5.600,00	5.600.000,00	GB44
3	G0863	Calcium Folate 10mg/ml Injection	Calcium folinate, 10mg/ml Folinic acid	10mg/ml	Hộp 1 lọ 5ml, Dung dịch tiêm, Uống hay tiêm bắp-tĩnh mạch	24 tháng	VN-15844-12	Hospira Australia Pty Ltd - Úc	Lọ	3.420	1	88	100	96,40	1	88.200,00	301.644.000,00	GB44
4	G1056	Tetraspan 6% Solution for infusion	Tinh bột este hóa (Hydroxy ethyl starch) 6% 130.000/0,42 /6:1, 500ml	Poly(0-2 hydroxyethyl) starch (HES)	Thùng 10 chai, Dung dịch tiêm truyền, Tiêm truyền	36 tháng	VN-18497-14	B.Braun Medical AG - Thụy Sĩ	Chai	25	2	89	100	96,70	1	89.950,00	2.248.750,00	GB44
5	G1075	Tenormin	Atenolol	50mg	Hộp 2 vỉ x 14 viên, Viên nén bao phim, Uống	60 tháng	VN-12854-11	AstraZeneca UK Ltd. - Anh	Viên	80.650	1	91	100	97,30	1	3.204,00	258.402.600,00	GB44
6	G1434	Xamiol	Calcipotriol; Betamethasone	50mcg/ g + 0,5mg/ g	Lọ / hộp, Gel, Dùng ngoài	24 tháng	VN-21146-18	LEO Pharmaceutical Products - Đan Mạch	Lọ	2.300	1	88	100	96,40	1	256.800,00	590.640.000,00	GB44
7	G1438	Eumovate Cream	Clobetasone Butyrate (dưới dạng micronised)	5g , 0.05%	Hộp 1 tuýp 5g, Kem bôi ngoài da , Dùng ngoài	24 tháng	VN-18307-14	Glaxo Operations UK Limited - Anh	Tuýp	3.490	1	90	100	97,00	1	20.269,00	70.738.810,00	GB44
8	G1440	Eumovate Cream	Clobetasone Butyrate (dưới dạng micronised)	5g , 0.05%	Hộp 1 tuýp 5g, Kem bôi ngoài da , Dùng ngoài	24 tháng	VN-18307-14	Glaxo Operations UK Limited - Anh	Tuýp	750	2	90	100	97,00	1	20.269,00	15.201.750,00	GB44

9	G1445	Fucicort	Fusidic Acid, Betamethasone Valerate	20mg/g + 1mg/g	Tuýp/ hộp, Kem, Dùng ngoài	36 tháng	VN-14208-11	LEO Laboratories Limited - Ireland	Tuýp	2.700	1	89	100	96,70	1	89.400,00	241.380.000,00	GB44
10	G1448	Fucidin H	Fusidic Acid, Hydrocortison e Acetate	20mg/g + 10mg/g	Hộp 1 tuýp 15g, Kem, Dùng ngoài	36 tháng	VN-17473-13	LEO Laboratories Limited - Ireland	Tuýp	5.000	1	89	100	96,70	1	88.300,00	441.500.000,00	GB44
11	G1632	Forlax	Macrogol 4000	10g	Hộp 20 gói, Bột pha dung dịch uống, Uống	36 tháng	VN-16801-13	Beaufour Ipsen Industrie - Pháp	Gói	132.500	1	89	100	96,70	1	4.275,00	566.437.500,00	GB44
12	G1675	Daflon	Diosmin; Hesperidin	450mg; 50mg	Hộp 4 vỉ x 15 viên, Viên nén bao phim, Uống	48 tháng	VN-15519-12, CV gia hạn số: 13862/QLD-ĐK ngày 19/07/2018	Les Laboratoires Servier Industrie - Pháp	Viên	582.650	1	89	100	96,70	1	3.258,00	1.898.273.700,00	GB44
13	G1715	Debridat	Trimebutine maleate	100mg	2 vỉ * 15 viên, Viên nén bao phim, Uống	36 tháng	VN-13803-11	Farnea - Pháp	Viên	147.300	1	91	100	97,30	1	2.906,00	428.053.800,00	GB44
14	G1743	Symbicort Turbuhaler	Budesonid, Formoterol fumarate dihydrate	Mỗi liều phóng thích chứa: Budesonid 160mcg; Formoterol fumarate dihydrate 4.5mcg	Hộp 1 ống hít 60 liều, Thuốc bột để hít, Hít	24 tháng	VN-20379-17	AstraZeneca AB - Thụy Điển	Ống	3.000	1	90	100	97,00	1	286.440,00	859.320.000,00	GB44
15	G1784	Crinone	Progesterone	8%	Hộp 15 ống tra thuốc, Gel dùng đường âm đạo, Bôi âm đạo	36 tháng	VN-18937-15	CSSX: Fleet Laboratories Limited; CSSX ống tra thuốc: Maropack AG; CSĐG thứ cấp & xuất xưởng: Central Pharma (Contract Facking) Limited - CSSX: Anh; CSSX ống tra thuốc: Thụy Sĩ; CSĐG thứ cấp & XX: Anh	Ống	90	1	89	100	96,70	1	109.235,00	9.831.150,00	GB44
16	G1789	Progestogel	Progesterone	0,01	Hộp 1 tuýp 80g, Gel bôi ngoài da, Bôi ngoài da	36 tháng	VN-15147-12	Besins Manufacturing Belgium - Bỉ	Tuýp	778	1	89	100	96,70	1	169.000,00	131.482.000,00	GB44
17	G1798	Glucobay 50mg	Acarbose	50mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên, Viên nén, Uống	36 tháng	VN-20231-17	Bayer Pharma AG - Đức	Viên	367.000	1	91	100	97,30	1	2.760,00	1.012.920.000,00	GB44

18	G1851	Meglucon 1000	Metformin Hydrochloride	1000mg	Hộp 2 vi x 15 viên, Viên nén bao phim, Uống	36 tháng	VN-20288-17	Lek S.A - Ba Lan	Viên	557.000	2	91	100	97,30	1	1.229,00	684.553.000,00	GB44
19	G1887	Levothyrox	Levothyroxine natri	50mcg	Hộp 3 vi x 10 viên, Viên nén, Uống	36 tháng	VN-17750-14	CSSX: Merck KGaA; CSDG và xuất xưởng: Merck S.A de C.V. - CSSX: Đức; CSDG và xuất xưởng: Mexico	Viên	205.200	1	85	100	95,50	1	923,00	189.399.600,00	GB44
20	G1934	Azopt	Brinzolamide	1%	Hộp 1 lọ 5ml, Hỗn dịch nhỏ mắt, Nhỏ mắt	24 tháng	VN-21090-18	Alcon Research, Ltd. - Mỹ	Lọ	1.900	1	90	100	97,00	1	116.700,00	221.730.000,00	GB44
21	G1954	Pataday	Olopatadine hydrochloride	0,2%	Hộp 1 chai 2,5ml, Dung dịch nhỏ mắt, Nhỏ mắt	24 tháng	VN-13472-11 (có CV gia hạn hiệu lực SĐK)	Alcon Research, Ltd. - Mỹ	Chai	200	1	90	100	97,00	1	131.100,00	26.220.000,00	GB44
22	G2055	Ventolin Nebules	Mỗi 2,5ml chứa: Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfat) 2,5mg	2,5mg/ 2,5ml	Hộp 6 vi x 5 ống 2,5ml, Dung dịch khí dung, Dùng cho máy khí dung	36 tháng	VN-20765-17	GlaxoSmithKline Australia Pty., Ltd. - Úc	Ống	501.200	1	91	100	97,30	1	4.575,00	2.292.990.000,00	GB44
23	G2080	Seretide Accuhaler 50/250mcg	Mỗi liều hít chứa Salmeterol (dưới dạng Salmeterol xinafoate) 50mcg; Fluticason propionat 250mcg	50mcg/ 250mcg	Hộp 1 dụng cụ hít accuhaler 60 liều, Bột hít phân liều, Hít qua đường miệng	24 tháng	VN-20766-17	GlaxoSmithKline LLC - USA	Bình	3.000	2	90	100	97,00	1	259.147,00	777.441.000,00	GB44

24	G2151	Aminosteril N Hepa 8%	L-Isoleucine, L-Leucine, L- Lysine, L- Methionine, L- Cysteine, L- Phenylalanine, L-Threonine, L-Tryptophan, L-Valine, L- Arginine, L- Histidine, Glycine, L- Alanine, L- Proline, L- Serine	8%, 250ml	Chai 250ml, Dung dịch tiêm truyền, Truyền tĩnh mạch (IV)	36 tháng	VN-17437- 13	Fresenius Kabi Austria GmbH - Áo	Chai	12.719	1	89	100	96,70	1	95.000,00	1.208.305.000,00	GB44
25	G2152	Aminosteril N Hepa 8%	L-Isoleucine, L-Leucine, L- Lysine, L- Methionine, L- Cysteine, L- Phenylalanine, L-Threonine, L-Tryptophan, L-Valine, L- Arginine, L- Histidine, Glycine, L- Alanine, L- Proline, L- Serine	8%, 500ml	Chai 500ml, Dung dịch tiêm truyền, Truyền tĩnh mạch (IV)	36 tháng	VN-17437- 13	Fresenius Kabi Austria GmbH - Áo	Chai	6.000	1	89	100	96,70	1	138.000,00	828.000.000,00	GB44
26	G2158	Aminosteril 10%	Các acid amin	10%, 250ml	Chai 250ml; Thùng 20 chai 250ml, Dung dịch tiêm truyền, Tiêm truyền tĩnh mạch (IV)	24 tháng	VD-19242- 13	Công ty CP Fresenius Kabi Việt Nam - Việt Nam	Chai	3.000	3	84	100	95,20	1	72.000,00	216.000.000,00	GB44
Tổng																	13.290.312.660,00	
<i>Tổng tiền bằng chữ: Mười ba tỷ hai trăm chín mươi triệu ba trăm mười hai nghìn sáu trăm sáu mươi đồng</i>																		



DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM TRÚNG THẦU

Gói thầu: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc)

Dự án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Nhà thầu: Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Dược Pha Nam Hà Nội (GB45)

(Kèm theo Quyết định số 189/QĐ-SYT ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tháng)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Phân nhóm	Điểm kỹ thuật	Điểm giá	Điểm TH	Xếp hạng	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã NT
1	G1731	Meclonate	Beclometason dipropionat	50 mcg/0,05ml	Hộp 1 lọ 150 liều 50 mcg, Hỗn dịch xịt định liều, Xịt mũi	36 tháng	VD-25904-16	Công ty CPTĐ Merap - Việt Nam	Lọ	11.706	3	86	100	95,80	1	56.000,00	655.536.000,00	GB45
2	G1741	Benita	Budesonid	64mcg/liều x 120 liều	Hộp 1 lọ 120 liều (liều 64 mcg), Hỗn dịch xịt mũi, Xịt mũi	24 tháng	VD-23879-15	Công ty CPTĐ Merap - Việt Nam	Lọ	22.856	3	86	100	95,80	1	90.000,00	2.057.040.000,00	GB45
Tổng																	2.712.576.000,00	
Tổng tiền bằng chữ: Hai tỷ bảy trăm mười hai triệu năm trăm bảy mươi sáu nghìn đồng																		

DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM TRÚNG THẦU

Gói thầu: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc)

Dự án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Nhà thầu: Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Dược Sài Gòn (GB46)

(Kèm theo Quyết định số 189/QĐ-SYT ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tháng)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Phân nhóm	Điểm kỹ thuật	Điểm giá	Điểm TH	Xếp hạng	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã NT
1	G0515	Midepime 0,5g	Cefoxitin	0,5g	Hộp 10 lọ; Bột pha tiêm; Tiêm	36 tháng	VD-29011-18	Công ty CPDP Minh Dân - Việt Nam	lọ	208.500	3	85	100	95,50	1	29.500,00	6.150.750.000,00	GB46
2	G0576	Doripenem 0,25g	Doripenem	250mg	Hộp 10 lọ; Bột pha tiêm; Tiêm	36 tháng	VD-25719-16	Công ty CPDP Minh Dân - Việt Nam	Lọ	24.000	3	85	100	95,50	1	397.000,00	9.528.000.000,00	GB46
3	G1299	Atoronobi 40	Atorvastatin	40mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên; Viên nén bao phim; Uống	24 tháng	VN-16657-13	Mepro Pharmaceuticals Pvt. Ltd. - Ấn Độ	Viên	330.000	2	84	100	95,20	1	2.000,00	660.000.000,00	GB46
4	G1510	Alusigel	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd	Magnesi hydroxyd 800,4mg + nhôm oxid 400mg (dưới dạng nhôm hydroxyd)	Hộp 10 gói, 20 gói, 30 gói x15g; Hỗn dịch uống; Uống	36 tháng	VD-29821-18	Công ty CPDP Phương Đông- Việt Nam	Gói	347.000	3	84	100	95,20	1	2.740,00	950.780.000,00	GB46
5	G1697	Heparigen Inj	L-Ornithin - L-aspartat	100mg/1ml- 5ml	Hộp 10 ống x 5ml; Dung dịch tiêm; Tiêm	36 tháng	VN-18415-14	Daihan Pharm - Hàn Quốc	Ống	65.200	2	86	100	95,80	1	15.000,00	978.000.000,00	GB46
6	G1904	Baclosal	Baclofen	10mg	Hộp 1 lọ x 50 viên; Viên nén; Uống	24 tháng	VN-19305-15	Pharmaceutical works Polpharma S.A - Ba Lan	Viên	66.900	1	88	100	96,40	1	1.832,00	122.560.800,00	GB46
7	G1993	Unigle Tablet	Misoprostol	200 mcg	Hộp 10 vỉ x 10 viên; Viên nén; Uống	36 tháng	VN-5019-10	Samchungang Pharmaceutical Co., Ltd. - Hàn Quốc	Viên	14.500	5	84	100	95,20	1	3.760,00	54.520.000,00	GB46
8	G2024	Rileptid	Risperidon	1mg	Hộp 06 vỉ x10 viên; Viên nén bao phim; Uống	48 tháng	VN-16749-13	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company - Hungary	Viên	155.400	1	89	100	96,70	1	2.950,00	458.430.000,00	GB46
9	G2025	Respiwel I	Risperidon	1mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên; Viên nén; Uống	24 tháng	VN-20369-17	Akums Drugs & Pharmaceuticals Ltd.- Ấn Độ	Viên	52.500	5	83	100	94,90	1	450,00	23.625.000,00	GB46

10	G2233	Caicium lactate 300 Tablets	Calci lactat (pentahydrate)	300mg	Hộp 10 vi x 10 viên; Viên nén; Uống	60 tháng	6573/QLD- KD	Remedica Ltd., - Síp	Viên	731.500	1	90	100	97,00	1	2.200,00	1.609.300.000,00	GB46
11	G2335	Metronidazole and Sodium Chloride Injection	Metronidazol + Natri clorid	(5mg + 9mg)/1ml - 100ml	Hộp 1 chai 100ml, Chai 100ml; Dung dịch tiêm truyền; Tiêm truyền	36 tháng	VN-19592- 16	Anhui Double- Crane Pharmaceutical Co., Ltd. - Trung Quốc	chai	3.000	5	85	100	95,50	1	16.000,00	48.000.000,00	GB46
Tổng																	20.583.965.800,00	
<i>Tổng tiền bằng chữ: Hai mươi tỷ, năm trăm tám mươi ba triệu, chín trăm sáu mươi lăm nghìn, tám trăm đồng</i>																		



DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM TRÚNG THẦU

Gói thầu: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc)

Dự án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Nhà thầu: Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vimedimex Bình Dương (GB47)

(Kèm theo Quyết định số 189/QĐ-SYT ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tháng)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Phân nhóm	Điểm kỹ thuật	Điểm giá	Điểm TH	Xếp hạng	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã NT
1	G0308	Phenylephrine Aguettant 50 microgrammes/mL	Phenylephrin (dưới dạng phenylephrin hydroclorid)	50µg/ml	Hộp 10 bơm tiêm đóng sẵn x 10ml, Dung dịch tiêm, Tiêm	36	VN-21311-18	Laboratoire Aguettant - Pháp	Bơm tiêm	1.500	Nhóm 1	91	100	97,30	1	194.500,00	291.750.000,00	GB47
2	G0392	Fleming	Amoxicillin + Acid Clavulanic	500mg + 125mg	Hộp 10 vỉ x 10 viên, Viên nén bao phim, Uống	24	VN-18933-15	Medreich Limited - Ấn Độ	Viên	20.000	Nhóm 2	86	100	95,80	1	4.620,00	92.400.000,00	GB47
3	G0809	Baraclude (Đóng gói & xuất xưởng: Bristol-Myers Squibb S.r.l.; Đ/c: Contrada Fontana del Ceraso, 03012 Anagni (FR), Italy)	Entecavir	0,5mg	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Viên nén bao phim, Uống	36	VN3-29-18	AstraZeneca Pharmaceuticals LP - Mỹ	Viên	5.000	Nhóm 1	93	100	97,90	1	79.895,00	399.475.000,00	GB47
4	G0998	Ferlatum (Đóng gói: CIT s.r.l. - Italy)	Sắt protein succinylat	800mg	Hộp 10 lọ x 15ml, Dung dịch uống, Uống	24	VN-14241-11 (có CV gia hạn hiệu lực SĐK)	Italfarmaco, S.A. (đóng gói tại: CIT s.r.l.) - Tây Ban Nha (đóng gói tại Ý)	Lọ	87.300	Nhóm 1	90	100	97,00	1	18.500,00	1.615.050.000,00	GB47
5	G1945	Vismed	Natri Hyaluronate	0,18%	Hộp 20 ống đơn liều 0,3ml, Dung dịch nhỏ mắt, Nhỏ mắt	36	VN-15419-12 (có CV duy trì hiệu lực SĐK)	Holopack Verpackungstechnik GmbH - Đức	Ống	73.000	Nhóm 1	93	100	97,90	1	10.199,00	744.527.000,00	GB47
6	G1956	Systane Ultra	Polyethylene glycol 400 + Propylen glycol	0,4% + 0,3%	Hộp 1 lọ 5ml, Dung dịch nhỏ mắt, Nhỏ mắt	24	VN-19762-16	Alcon Laboratories, Inc. - Mỹ	Lọ	22.250	Nhóm 1	90	100	97,00	1	60.100,00	1.337.225.000,00	GB47



7	G2181	Ringer Lactat	Mỗi 500ml dung dịch chứa: Natri clorid 3g + Natri lactat 1,56g + Kali clorid 0,2g + Calci clorid. 2H ₂ O 0.135g	500ml	Chai 500ml, Dung dịch truyền tĩnh mạch, Tiêm truyền	36	VD-30059-18	Công ty TNHH B.Braun Việt Nam - Việt Nam	Chai	41.100	Nhóm 3	86	100	95,80	1	9.975,00	409.972.500,00	GB47
8	G2192	Natri clorid 0,45%	Natri clorid 0,45g/100ml	0,45% x 500ml	Chai 500ml, Dung dịch truyền tĩnh mạch, Tiêm truyền	36	VD-18094-12 (có CV gia hạn hiệu lực SDK)	Công ty TNHH B.Braun Việt Nam - Việt Nam	Chai	11.000	Nhóm 3	86	100	95,80	1	11.466,00	126.126.000,00	GB47
9	G2197	Natri clorid 0,9%	Natri clorid 0,9g/100ml	0,9 % x 1000ml	Chai 1000ml, Dung dịch truyền tĩnh mạch, Tiêm truyền	36	VD-16420-12 (Có CV gia hạn hiệu lực SDK)	Công ty TNHH B.Braun Việt Nam - Việt Nam	Chai	152.500	Nhóm 3	86	100	95,80	1	14.700,00	2.241.750.000,00	GB47
10	G2250	Methycobal Injection 500µg	Mecobalamin	500µg	Hộp 10 ống x 1ml, Dung dịch tiêm, Tiêm	36	VN-20950-18	Nipro Pharma Corporation Ise Plant - Nhật	Ống	54.500	Nhóm 1	91	100	97,30	1	33.075,00	1.802.587.500,00	GB47
11	G2255	Methycobal	Mecobalamin	500mcg	Hộp 3 vỉ x 10 viên nén, Viên nén, Uống	36	VN-12421-11 (có CV gia hạn hiệu lực SDK)	Bushu Pharmaceuticals Ltd. Misato Factory - Nhật	Viên	940.500	Nhóm 1	91	100	97,30	1	3.507,00	3.298.333.500,00	GB47
12	G2390	Diprosan Injection	Betamethasone dipropionate + Betamethasone sodium phosphate	6,43mg/ml + 2,63mg/ml	Hộp 1 ống 1ml, Hỗn dịch tiêm, Tiêm	18	VN-15551-12 (Có CV gia hạn hiệu lực SDK)	Schering - Plough Labo N.V. - Bỉ	Ống	3.000	Nhóm 1	89	100	96,70	1	63.738,00	191.214.000,00	GB47
Tổng																	12.550.410.500,00	
Tổng tiền bằng chữ: Mười hai tỷ năm trăm năm mươi triệu bốn trăm mười nghìn năm trăm đồng																		



DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM TRÚNG THẦU

Gói thầu: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc)

Dự án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Nhà thầu: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dược mỹ phẩm Nam Phương (GB48)

(Kèm theo Quyết định số 189/QĐ-SYT ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tháng)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Phân nhóm	Điểm kỹ thuật	Điểm giá	Điểm TH	Xếp hạng	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã NT
1	G0847	Ladyvagi	Nystatin + neomycin sulfat + polymyxin B sulfat	100.000IU +35.000IU +35.000IU	Hộp 2 vỉ x 6 viên, viên nang mềm, đặt âm đạo	24 tháng	VD-16444-12	Công ty TNHH Phil Inter Pharma - Việt Nam	Viên	240	5	85	100	95,50	1	4.500,00	1.080.000,00	GB48
2	G1411	Cerefort	Piracetam	200mg/1ml - 120 ml	Hộp 1 lọ 120ml, Siro, uống	36 tháng	VN-21373-18	UniPharma Company - Ai Cập	Chai	1.000	5	85	100	95,50	1	96.000,00	96.000.000,00	GB48
Tổng																	97.080.000,00	
<i>Tổng tiền bằng chữ: Chín mươi bảy triệu, không trăm tám mươi nghìn đồng</i>																		



DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM TRÚNG THẦU

Gói thầu: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc)

Dự án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Nhà thầu: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dược phẩm Phương Linh (GB51)

(Kèm theo Quyết định số 189/QĐ-SYT ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tháng)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Phân nhóm	Điểm kỹ thuật	Điểm giá	Điểm TH	Xếp hạng	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã NT
1	G0228	Rocalcic 100	Calcitonin	100IU/ml	Hộp 5 ống 1ml, Dung dịch tiêm và pha tiêm truyền	36	VN-20613-17	Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk, Đức	Ống	25.450	1	91	100	97,30	1	90.000,00	2.290.500.000,00	GB51
2	G0627	Medphatobra 80	Tobramycin	80mg/ 2ml	Hộp 10 ống x 2ml, dung dịch tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch	36	VN-19091-15	Medphano Arzneimittel GmbH, Đức	Ống	320.852	1	91	100	97,30	1	49.500,00	15.882.174.000,00	GB51
3	G0940	Pamidia 90mg/6ml	Disodium Pamidronat	15mg /1ml - 6ml	Hộp 1 ống 6ml, dung dịch truyền tĩnh mạch	36	VN-16459-13	Holopack Verpackungstechnik GmbH, Đức	Ống	1.560	1	91	100	97,30	1	1.835.000,00	2.862.600.000,00	GB51
4	G0941	Pamidia 30mg/2ml	Disodium Pamidronat	15mg/ 1ml - 2ml	Hộp 1 ống 2ml, Dung dịch truyền tĩnh mạch	36	VN-16185-13	Holopack Verpackungstechnik GmbH, Đức	Ống	5.600	1	91	100	97,30	1	990.000,00	5.544.000.000,00	GB51
5	G0999	Ferrovín	Sắt sucrose (hay dextran)	Sắt 20mg/ 1ml - 5ml	Hộp 1 vi 5 ống x 5ml, Dung dịch tiêm tĩnh mạch	24	VN-18143-14	Rafarm S.A, Hy Lạp	Ống	20.800	1	89	100	96,70	1	86.800,00	1.805.440.000,00	GB51
6	G1000	Sucrofer	Sắt sucrose (hay dextran)	Sắt 20mg/ 1ml - 5ml	Hộp 50 ống thủy tinh 5ml, Dung dịch tiêm tĩnh mạch	36	VN-17294-13	Clarís Injectables Limited, Ấn Độ	Ống	53.600	2	87	100	96,10	1	63.000,00	3.376.800.000,00	GB51
7	G1900	ProIVIG	Immune globulin	5% - 50ml	Hộp 1 chai x 50 ml, Dung dịch truyền	36	QLSP-0764-13	Reliance Life Sciences Pvt.Ltd, Ấn Độ	Chai	500	5	86	100	95,80	1	2.550.000,00	1.275.000.000,00	GB51
Tổng																33.036.514.000,00		
Tổng tiền bằng chữ: Ba mươi ba tỷ không trăm ba mươi sáu triệu năm trăm mười bốn nghìn đồng																		



DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM TRÚNG THẦU

Gọi thầu: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc)
Dự án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hà Nội

Nhà thầu: Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Nam Đồng (GB52)

(Kèm theo Quyết định số 189/QĐ-SYT ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Sở Y tế Hà Nội)

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tháng)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Phân nhóm	Điểm kỹ thuật	Điểm giá	Điểm TH	Xếp hạng	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã NT
1	G1336	Zosivas 10mg	Simvastatin	10mg	Hộp 2 vỉ x 14 viên nén bao phim, uống	36 tháng	VN-17402-13	KRKA, d.d., Novo mesto - Slovenia	Viên	300	1	89	100	96,70	1	1.620,00	486.000,00	GB52
2	G1507	Gastevin 30mg	Lanzoprazol	30mg	Hộp 2 vỉ x 7 viên nang cứng, uống	36 tháng	VN-18275-14	KRKA, d.d., Novo mesto - Slovenia	Viên	687.622	1	89	100	96,70	1	9.500,00	6.532.409.000,00	GB52
Tổng																6.532.895.000,00		
<i>Tổng tiền bằng chữ: Sáu tỷ năm trăm ba mươi hai triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn đồng</i>																		



DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM TRÚNG THẦU

Gói thầu: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic (gồm 694 lô thuốc)

Dự án: Mua sắm bổ sung thuốc theo tên Generic năm 2018 – 2019 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Nhà thầu: Liên danh thầu Công ty Cổ phần Thương mại Minh Dân - Công ty Cổ phần Dược phẩm Minh Dân (GB53)

(Kèm theo Quyết định số 189/QĐ-SYT ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Sở Y tế Hải Phòng)

STT	Mã HSMT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Quy cách, Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (Tháng)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Phân nhóm	Điểm kỹ thuật	Điểm giá	Điểm TH	Xếp hạng	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã NT
1	G0858	Bicalutamide 50mg	Bicalutamide	50mg	Hộp 3 vi x 10 viên, viên nén bao phim, uống	36	VD-25715-16	Công ty CPDP Minh Dân - Việt Nam	Viên	24.500	3	88	100	96,40	1	25.480,00	624.260.000,00	GB53
2	G1746	Dexamethason 3,3mg/1ml	Dexamethason phosphat (dưới dạng Dexamethason natri phosphat) 4mg/ 1ml	4mg/ 1ml (tương đương 3,3mg Dexamethason/ 1ml)	Hộp 10 ống 1ml, dung dịch tiêm, tiêm	24	VD-25716-16	Công ty CPDP Minh Dân - Việt Nam	Ống	150.830	3	87	100	96,10	1	805,00	121.418.150,00	GB53
Tổng																	745.678.150,00	
<i>Tổng tiền bằng chữ: Bảy trăm bốn mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn một trăm năm mươi đồng</i>																		